



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm 2022**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101447725, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp đăng ký lần đầu ngày 14/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17, ngày 29/11/2021.
- Vốn điều lệ: 603.426.380.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: (024)38 641 212, (04)38 642 243,
- Số fax: (024)38 642 249; (04)36 641 197
- Website: www.pgas.petrokimex.com.vn
- Mã cổ phiếu: PGC

Quá trình hình thành và phát triển

Giai đoạn từ năm 1998 trở về trước, các Công ty xăng dầu trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đều hoạt động kinh doanh Gas thông qua các Xí nghiệp Gas trực thuộc. Từ năm 1999 trở đi, nền kinh tế đất nước phát triển mạnh, nhu cầu sử dụng Gas trong công nghiệp và dân dụng tăng mạnh và trên thị trường đã hình thành ngành kinh doanh Gas độc lập với tốc độ tăng trưởng của thị trường khá cao; Trước tình hình đó, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đã quyết định tách bộ phận kinh doanh Gas thành đơn vị kinh doanh độc lập để chuyên doanh mặt hàng này nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong toàn công ty; theo đó ngày 25/12/1998, Bộ trưởng Bộ Thương Mại đã ký quyết định số 1653/QĐ-BTM thành lập Công ty Gas Petrolimex trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam. Công ty Gas là doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản tiền Việt Nam và tài khoản ngoại tệ tại ngân hàng.

- Ngày 3/12/2003, Bộ trưởng Bộ Thương mại đã ký quyết định số 1669/2003/QĐ-BTM chuyển Công ty Gas thành Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (PGC).
- Ngày 14/01/2004, Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103003549.
- Ngày 05/02/2013, Công ty chính thức đổi tên thành Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP theo giấy đăng ký kinh doanh số 0101447725, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

▪ **Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;**

➤ Kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện;

▪ Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng theo qui định của pháp luật;

▪ Kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

▪ Dịch vụ thương mại;

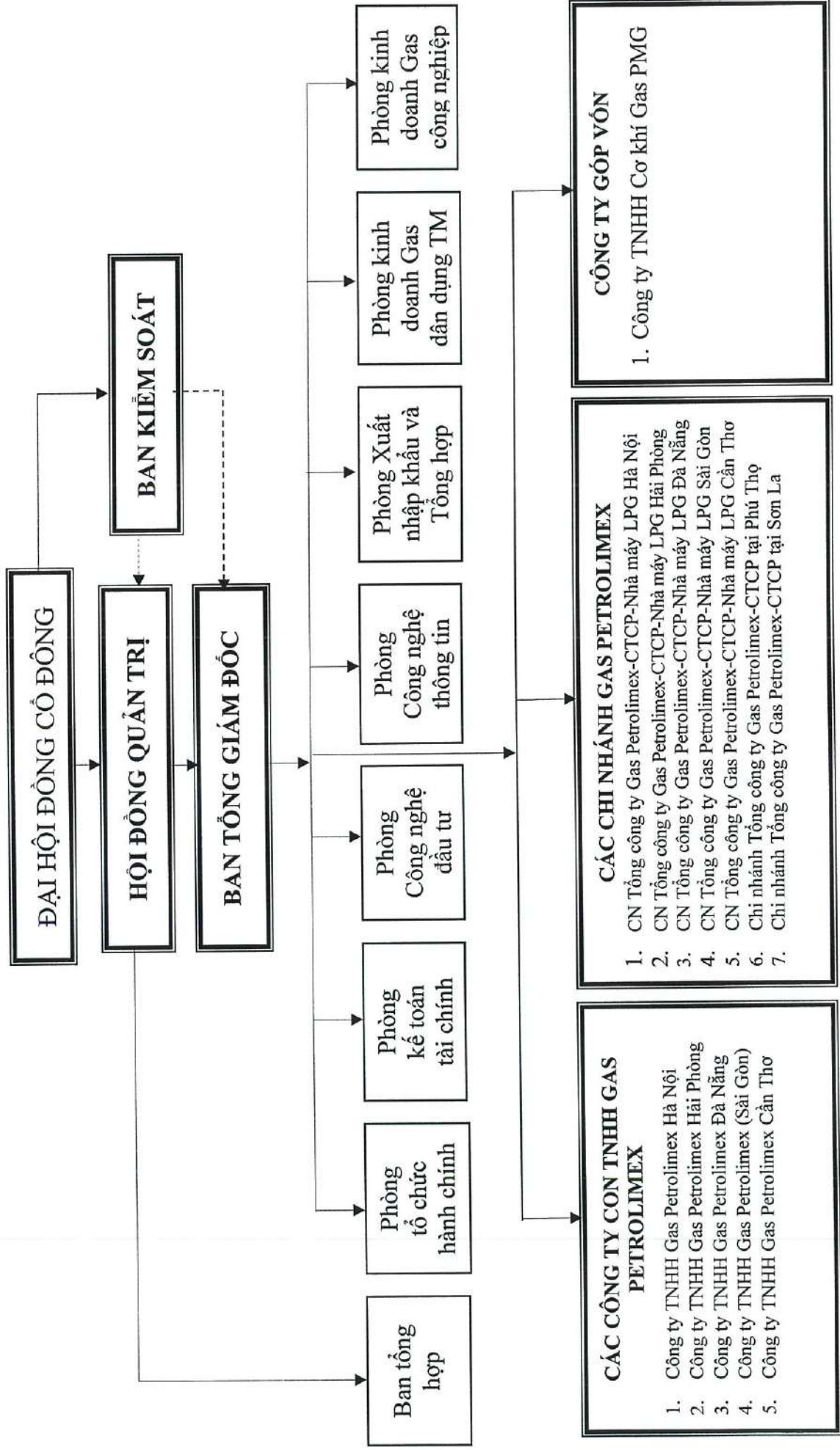
▪ Kinh doanh địa ốc và bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá)

Hoạt động kinh doanh Gas là hoạt động chủ yếu của công ty. Doanh thu từ hoạt động này chiếm trên 90% doanh thu của Tổng công ty. Tổng Công ty hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống các Công ty con 100% vốn và các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc. Tổng Công ty cũng cung cấp ra thị trường các thiết bị và phụ kiện được sử dụng với Gas LPG như bình gas, van bình, bồn chứa Gas.

❖ **Địa bàn kinh doanh:** Rộng khắp các tỉnh, thành trên cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Cơ cấu tổ chức bộ máy



Các công ty con, công ty liên kết:

- ***Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội.***
 - Địa chỉ: 775 Giải Phóng - phường Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **20.000.000.000 VNĐ**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- ***Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.***
 - Địa chỉ: Tầng 4 toà nhà TD Business Center, Lô 20A đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **30.000.000.000 VNĐ**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- ***Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng.***
 - Địa chỉ: Số 122 Đường 2 tháng 9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **40.000.000.000 VNĐ**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- ***Công ty TNHH Gas Petrolimex (Sài Gòn).***
 - Địa chỉ: Số 322 Điện Biên Phủ, P22, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **70.000.000.000 VNĐ**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- ***Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ.***
 - Địa chỉ: 346-348, Võ Văn Kiệt, khu vực 4, phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
 - Vốn điều lệ thực góp: **27.000.000.000 VNĐ**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 100%.
- ***Công ty TNHH Cơ Khí gas PMG.***
 - Địa chỉ: Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, TT Nhà bè, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng bình gas.
 - Vốn điều lệ thực góp: **22.524.919.267**
 - Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty: 51%.

4. ***Định hướng phát triển***

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty.**

- Phát triển Tổng công ty là một trong những đơn vị hàng đầu trong kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng tại thị trường Việt Nam, đẩy mạnh gia tăng thị phần; nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới như LNG, CNG bên cạnh mặt hàng LPG truyền thống;
- Phát huy giá trị của thương hiệu Petrolimex; tận dụng thế mạnh của kênh phân phối trực tiếp và kênh phân phối qua hệ thống các công ty xăng dầu Petrolimex trong công tác kinh doanh và phát triển thị trường;
- Phát triển bền vững, gia tăng giá trị doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động;
- Công tác an ninh, an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được đảm bảo trên toàn Tổng công ty.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

➤ **Chiến lược thị trường:**

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay của nước ta, việc hội nhập với thế giới ngày càng cần thiết, đa dạng là tất yếu, chính vì vậy Tổng công ty nhận định việc mở rộng thị trường là điều kiện cần thiết để phát triển doanh nghiệp. Trong những năm tới Tổng công ty sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư hệ thống kho tồn chứa và phân phối tại các Cảng, kho đầu mối, nâng cao năng lực quản trị hàng dự trữ, củng cố khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới, phân tích và tìm kiếm vùng thị trường còn trống. Duy trì phát triển theo hướng đa ngành nghề và trực chính là kinh doanh Gas để tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh của Tổng công ty sau này.

Nghiên cứu và triển khai tái cấu trúc Tổng công ty để nâng cao khả năng khai thác các nguồn lực, hệ thống kho đầu mối.... phù hợp với chiến lược thị trường.

➤ **Chiến lược phân phối:**

Đặc thù kinh doanh của Tổng công ty chủ yếu là lĩnh vực thương mại nên việc tiếp tục hoàn thiện và phát triển đa dạng các kênh phân phối tại các vùng thị trường trọng điểm cũng như kênh phân phối được thiết lập tại hầu hết các tỉnh, thành phố trên cả nước. Tổng công ty xác định Gas là sản phẩm đặc thù cần đảm bảo an toàn trong khai thác, vận chuyển và sử dụng. Chính vì vậy, ngoài việc bán hàng đơn thuần, Tổng công ty gắn công tác dịch vụ kỹ thuật và công tác dịch vụ sau bán hàng để khẳng định Gas Petrolimex chính là sự lựa chọn tin cậy của khách hàng.

➤ **Chiến lược giá:**

Thị trường khí dầu mỏ hoá lỏng tại Việt Nam trong vài năm trở lại đây là một trong những lĩnh vực cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong đó bao gồm cả cạnh tranh về giá. Mặc dù vậy, chiến lược giá của Tổng công ty luôn xác định mức giá phù hợp với thị trường trên cơ sở khả năng tài chính của Tổng công ty để cùng một số Hãng Gas lớn khác bình ổn thị trường nhằm đảm bảo hài hoà các lợi ích giữa Người tiêu dùng và Nhà phân phối.

➤ **Chiến lược nguồn nhân lực:**

Nhân tố con người là nguồn lực tài chính vô hình góp phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công, phát triển của doanh nghiệp. Do đó công tác quản trị nguồn nhân lực của Tổng công ty tập trung vào:

- + Phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nhằm tạo ra động lực phát triển, từng bước kế thừa và tiếp thu những kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm.
- + Thường xuyên đào tạo để nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ nhân viên, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý.
- + Từng bước cải tiến cơ cấu tổ chức, tiền lương, tiền thưởng hợp lý nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động cũng như tạo ra môi trường thuận lợi để mỗi cán bộ công nhân viên tự khẳng định mình.
- + Tạo điều kiện để mọi người lao động trong Tổng công ty đều có cơ hội sở hữu cổ phần của công ty nhằm phát huy tinh thần làm chủ, gắn bó thực sự lâu dài với Tổng công ty.

5. Các rủi ro

➤ **Rủi ro về biến động giá**

Sản phẩm kinh doanh của PGC là các chế phẩm từ dầu mỏ, là nguồn nguyên liệu đang dần cạn kiệt và bị điều tiết về giá cả và sản lượng bởi tổ chức OPEC. Do vậy, sự biến động khó lường về giá dầu mỏ trong năm và phụ thuộc nguồn cung ở nước ngoài đã ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm, nhưng đầu ra lại không thể thay đổi giá nhanh như đầu vào do bị sức ép về mặt bằng giá bán trên thị trường của khách hàng, đối thủ cạnh tranh. Mặt khác, biến động khó lường về giá cũng là yếu tố rủi ro rất lớn về chênh lệch tồn kho đối với doanh nghiệp kinh doanh đầu mối như PGC.

➤ **Rủi ro về biến động tỷ giá**

PGC là một doanh nghiệp kinh doanh mà đầu vào phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Biến động về tỷ giá sẽ tác động rất lớn đến chi phí đầu vào. Do vậy, kết quả kinh doanh phụ thuộc rất nhiều vào chính sách điều hành tỷ giá của Nhà nước cũng như những biến động về nguồn cung và giá dầu mỏ trên thế giới.

➤ **Rủi ro về pháp luật:**

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với lĩnh vực kinh doanh khí hóa lỏng chịu sự ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật Chứng khoán, Luật dầu khí, Luật phòng cháy chữa cháy, ... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hệ thống pháp luật về kinh doanh trong lĩnh vực này hiện nay nhìn chung còn chưa thực sự nhất quán, chồng chéo, áp dụng vào thực tế còn nhiều bất cập.

➤ **Rủi ro về khí hậu:**

Sự thay đổi của khí hậu, mùa trong năm ảnh hưởng ít nhiều đến sản lượng tiêu

thụ gas hóa lỏng LPG của PGC.

➤ **Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh:**

Các doanh nghiệp và nền kinh tế bị tác động nặng nề từ thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là các loại dịch bệnh có ảnh hưởng ở quy mô khu vực và quốc tế như Covid-19, Sars, Ebola, Sởi... Hiện tại và lịch sử đã chứng minh, khi dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, không những ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống kinh tế, chính trị, xã hội của toàn thế giới nói chung, và của từng nước nói riêng, tình hình sản xuất kinh doanh bị đình trệ/giảm sút, hàng ngàn doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn bị đóng cửa hoặc phá sản, hàng triệu lao động bị mất việc làm...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty năm 2022 được thể hiện qua một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh (%)	
						C.Kỳ 2021	KH 2022
1	Tổng doanh thu thuần hợp nhất	tr.đ	3.362.912	3.528.883	4.014.358	119,4%	113,8%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	tr.đ	160.019	160.000	160.212	100,1%	100,1%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	tr.đ	125.818	128.000	126.618	100,6%	98,9%
	Trong đó: Phân bổ cho Cổ đông của công ty mẹ	tr.đ	120.033	121.728	121.350	101,1%	99,7%
4	Tỷ lệ LNST (phần của cổ đông công ty mẹ/Vốn điều lệ)	tr.đ	19,9%	20,2%	20,1%	101,1%	99,7%
5	Tỷ lệ Cổ tức/vốn góp	%	14%	Tối thiểu 12%	Dự kiến 15%	107,1%	100,0%

(Số liệu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022. (*) Tỷ lệ cổ tức năm 2022 sẽ được công bố cụ thể trong Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2023 (Đại hội đồng cổ đông năm 2023 dự kiến họp ngày 17/5/2023)

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 160 tỷ đồng, đạt 100,1% so với kế hoạch năm 2022 và bằng 100,1% so với năm 2021.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ **Ban điều hành:**

- 1) Ông Nguyễn Hữu Quang: UV HĐQT, Tổng Giám đốc
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
 - Số cổ phần nắm giữ: 0
- 2) Ông Phạm Thanh Sơn: Phó Tổng Giám đốc.
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế LĐTTL, ĐHKQTĐ
 - Số cổ phần nắm giữ: 2 CP
- 3) Ông Nguyễn Khắc Trí: UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, ĐH Bách Khoa HN.
- Số cổ phần nắm giữ: 34.084 CP
- 4) Ông Nguyễn Đăng Công: Phó Tổng Giám đốc
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 - Số cổ phần nắm giữ: 0
- 5) Bà Đỗ thị Vân Chi: Phó Tổng Giám đốc
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân
 - Số cổ phần nắm giữ: 0
- 6) Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền: Kế toán trưởng
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân
 - Số cổ phần nắm giữ: 0

❖ **Những thay đổi trong ban điều hành:** Không

❖ **Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động:** được trình bày tại mục 6 - báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:*

a. **Một số công trình trọng điểm:**

Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm: Dự án mở rộng sức chứa Nhà máy Đà Nẵng, Dự án thay thế thiết bị đo tính điện tử tự động 3 bồn cầu tại Nhà máy Sài Gòn, Dự án Nhà ở cán bộ công nhân viên kết hợp văn phòng làm việc của PGC Hải Phòng, Dự án văn phòng của PGC Đà Nẵng và Dự án di dời trạm nạp Quảng Bình.

Tổng giá trị đầu tư thực hiện trong năm 34,9 tỷ đồng tương đương 56% so với kế hoạch.

b. **Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty con, công ty liên kết năm 2022:**

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	20.000	20.000	100%
2	Doanh thu thuần	381.286	461.766	121%
3	Lợi nhuận sau thuế	11.879	13.607	115%
4	Tổng tài sản	95.529	94.949	99%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	30.000	30.000	100%
2	Doanh thu thuần	657.997	808.689	123%
3	Lợi nhuận sau thuế	11.768	14.386	122%
4	Tổng tài sản	175.767	179.220	102%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	40.000	40.000	100%
2	Doanh thu thuần	581.616	677.426	116%
3	Lợi nhuận sau thuế	13.080	15.309	117%
4	Tổng tài sản	136.253	132.937	98%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	70.000	70.000	100%
2	Doanh thu thuần	690.296	836.093	121%
3	Lợi nhuận sau thuế	28.350	26.458	93%
4	Tổng tài sản	163.489	160.874	98%

❖ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	27.000	27.000	100%
2	Doanh thu thuần	228.977	287.004	125%
3	Lợi nhuận sau thuế	709	1.381	195%
4	Tổng tài sản	75.772	78.492	104%

❖ **Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG:**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	So sánh (%)
1	Vốn điều lệ	22.525	22.525	100%
2	Doanh thu thuần	264.319	284.430	108%
3	Lợi nhuận sau thuế	13.025	11.238	86%
4	Tổng tài sản	93.188	71.564	77%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	So sánh (%)
Tổng giá trị tài sản	2.427.626	2.521.592	104%
Doanh thu thuần	3.362.912	4.014.358	119%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	151.429	153.269	101%
Lợi nhuận khác	8.590	6.943	81%
Lợi nhuận trước thuế	160.019	160.212	100%
Lợi nhuận sau thuế	125.818	126.618	101%

Tỷ lệ trả cổ tức	14%	Dự kiến 15%	100%
------------------	-----	-------------	------

(Số liệu theo báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán)

c) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,24	1,15
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,11	1,06
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,64	0,68
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,79	2,12
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	18,19	25,07
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,39	1,59
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,8%	4,0%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	18,4%	19,8%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,6%	6,4%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,5%	3,8%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phát hành: 60.342.638 cổ phần (toàn bộ là cổ phần phổ thông)
- Số cổ phiếu quỹ: 3.353 cổ phần
- Số cổ phần đang lưu hành: 60.339.285 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

❖ Cơ cấu tỷ lệ sở hữu

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)
CD sở hữu trên 5% CP	35.206.631	58,34%	-	0,00%	35.206.631	58,34%
CD sở hữu từ 1% đến 5% CP	17.600.725	29,17%	-	0,00%	17.600.725	29,17%
CD sở hữu dưới 1% CP	4.358.276	7,22%	3.177.006	5,26%	7.535.282	12,49%

❖ Cơ cấu vốn cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	31.604.299	52,37%	-	0,00%	31.604.299	52,37%
2. Cổ đông khác	25.561.333	42,36%	3.177.006	5,26%	28.738.339	47,63%

2.1 Cá nhân	20.545.986	34,05%	528.021	0,88%	21.074.007	34,92%
2.2 Tổ chức	5.015.347	8,31%	2.648.985	4,39%	7.664.332	12,70%

- c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có thay đổi.
d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch.
e) **Các chứng khoán khác:** Không phát hành.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

❖ **Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Các nguyên vật liệu sử dụng đều được Tổng công ty khoán định mức.

❖ **Tiêu thụ năng lượng**

Sử dụng điện cho hoạt động sản xuất:

Đơn vị tính: triệu 1.000kw

STT	Đơn vị	2021	2022
1	Nhà máy LPG Hà Nội	360	390
2	Nhà máy LPG Hải Phòng	325	283
3	Nhà máy LPG Đà Nẵng	226	267
4	Nhà máy LPG Sài Gòn	162	168
5	Nhà máy LPG Cần Thơ	195	221

❖ **Tiêu thụ nước:**

- **Nguồn cung cấp:** Nguồn nước tại PGC được sử dụng là nguồn nước sạch của Công ty cấp thoát nước thuộc các tỉnh, thành phố nơi PGC có địa bàn hoạt động, dùng cho mục đích sản xuất (vệ sinh vỏ bình gas, vệ sinh máy móc, thiết bị nhà máy, phòng cháy chữa cháy...) và sinh hoạt (nấu ăn, vệ sinh, tưới cây...)
- **Khối lượng nước tiêu thụ trong năm:**

Đơn vị: m³

STT	Đơn vị	2021	2022
1	Nhà máy LPG Hà Nội	960	1.436
2	Nhà máy LPG Hải Phòng	1.821	2.577
3	Nhà máy LPG Đà Nẵng	4.911	4.387
4	Nhà máy LPG Sài Gòn	3.146	2.774
5	Nhà máy LPG Cần Thơ	1.327	680

- **Biện pháp giúp tiết kiệm nguồn nước:** Để sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn nước, PGC đã tiến hành lắp đặt toàn bộ đồng hồ nước có kiểm định của đơn vị cấp nước thành phố cho tất cả các đơn vị sử dụng nước. Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống sử dụng nước và xử lý kịp thời nếu có các rò rỉ nước. Nâng công suất hệ thống máy móc rửa bình gas tiết kiệm nước. Có theo dõi thống kê hàng tháng, nhắc nhở tắt mở, sử dụng đúng mục đích và giáo dục ý thức tiết kiệm. Ngoài ra Tổng công ty đang theo dõi để khoán định mức chuẩn nước sử dụng từng nhà máy.
- ❖ **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Tổng công ty luôn tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Hiện tại, toàn bộ các nhà máy, trạm nạp của Tổng công ty đều có các đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được các sở tài nguyên và môi trường tại địa phương kiểm tra, đo đạc và phê duyệt.

❖ **Chính sách liên quan đến người lao động:**

Tổng số lao động của Tổng Công ty (bao gồm cả Công ty con 100% vốn góp) đến thời điểm 31/12/2022 là 932 lao động, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện như sau:

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Trên đại học	27	2,9%
Đại học và Cao đẳng	510	54,7%
Trung cấp	90	9,7%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	287	30,8%
Phổ thông	18	1,9%
Tổng	932	100%

Thu nhập bình quân năm 2022 là 14,594 triệu đồng/người/tháng. Trong đó thu nhập bình quân người lao động là 14,182 triệu đồng/người/tháng, thu nhập bình quân người quản lý là 61,422 triệu đồng/người/tháng.

▪ **Chính sách đào tạo.**

Tổng công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với CBCNV như sau:

- ✓ Đối với lao động trực tiếp: Trên cơ sở mục tiêu chiến lược, tiêu chuẩn chức danh công việc, thiết kế khung đào tạo và tự tổ chức các chương trình đào tạo tại Tổng công ty. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.
- ✓ Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Tổng công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia học tập, nghiên cứu cả trong và ngoài nước về các ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước... Những cán bộ công nhân viên do Tổng công ty cử đi học được thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

▪ **Chính sách lương, thưởng**

Tiếp tục hoàn thiện qui chế tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động làm cơ sở để trả lương, thưởng cho lao động tại đơn vị. Đối với tiền lương: Sửa đổi, hoàn thiện giao kế hoạch lao động tiền lương đối với các Công ty thành viên; chỉ tiêu giao khoán đơn giá tiền lương gắn mục tiêu sản lượng, nhưng quyết toán có gắn với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận nhằm giữ vững & tăng thị phần gas Petrolimex thị phần, đồng thời đảm bảo hiệu quả tại các đơn vị. Đối với tiền thưởng gắn với hiệu quả

kinh doanh của tập thể và thành tích của cá người lao động.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Dịch Covid-19 đã từng bước được kiểm soát trên thế giới cũng như tại Việt Nam khi vacin đã được bao phủ trên diện rộng, các nước trên thế giới đều đã khôi phục lại các hoạt động kinh tế bình thường như thời điểm trước dịch. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới trong năm vừa qua phải đối mặt với những tác động nặng nề từ yếu tố lạm phát cao, chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiềm chế lạm phát của các nền kinh tế lớn, khủng hoảng năng lượng tại Châu Âu, cuộc xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina..., điều này đã ảnh hưởng tiêu cực tới tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Các tổ chức tài chính quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới ... đều đưa ra nhận định mức tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2022 chỉ vào khoảng 3% so với mức tăng trên 6% của năm trước đó.

Đối với kinh tế trong nước, nguồn lực, sức chống chịu của các doanh nghiệp đã giảm sút sau thời gian dài phải chống chịu với dịch Covid trong khi lại phải tiếp tục đối mặt với các tác động tiêu cực từ các yếu tố bất lợi của kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, kinh tế trong nước cũng phải đối mặt với các yếu tố rủi ro khác như áp lực lạm phát, lãi suất, tỷ giá tăng cao... Mặc dù vậy, kinh tế nước ta vẫn đạt được những thành tựu đầy ấn tượng, cụ thể GDP đạt mức tăng trưởng cao 8,02%, lạm phát được kiềm chế theo mục tiêu đề ra; các chỉ tiêu như kim ngạch xuất khẩu, vốn đầu tư nước ngoài, chỉ số sản xuất công nghiệp ... đều có mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

Chiến tranh giữa Nga và Ukraina mà cao hơn là sự đối đầu về địa chính trị giữa các nước phương Tây và Nga đã khiến giá dầu thô biến động rất mạnh. Dưới ảnh hưởng đó, giá CP cũng biến động rất lớn trong các tháng đầu năm, cụ thể giá CP đạt đỉnh vào tháng 03/2022 với mức 950 USD/tấn và là mức giá cao nhất kể từ tháng 01/2014. Tuy nhiên, sau thời điểm đó giá CP lại giảm liên tiếp trong 6 tháng tiếp theo với tổng mức giảm lên tới 375 USD/tấn, gây thiệt hại lớn về chênh lệch giá hàng tồn kho cho các doanh nghiệp kinh doanh LPG.

Thị trường LPG đầu ra tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt với sự tham gia của hàng trăm doanh nghiệp kinh doanh gas với hàng trăm thương hiệu khác nhau. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong ngành hàng (hàng trộn chất lượng thấp, sang chiết nạp trái phép, chiếm dụng vỏ bình...) tiếp tục gây khó khăn cho nhiều doanh nghiệp kinh doanh tuân thủ pháp luật. Gas Petrolimex tiếp tục bị cạnh tranh trực diện của các đối thủ về sản phẩm (làm tương tự màu sắc vỏ bình và van bình); giá cả (định giá luôn thấp hơn); dịch vụ kỹ thuật và kênh phân phối. Những yếu tố này tiếp tục gây khó khăn cho công tác phát triển gas bình của Tổng công ty.

Trong bối cảnh thị trường LPG còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Tổng công ty đã có nhiều cố gắng để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận trước thuế do Đại hội cổ đông đề ra. Tổng doanh thu thuần năm 2022

đạt 4.014 tỷ đồng, vượt 14% so với kế hoạch và bằng 119% thực hiện năm 2021; Lợi nhuận trước thuế đạt 160,2 tỷ đồng, bằng 100,1% so với kế hoạch và bằng 100,1% thực hiện năm 2021. Năm 2022, Tổng công ty vẫn là đơn vị có kết quả về chỉ tiêu hiệu suất lợi nhuận cao nhất trong số các hãng kinh doanh thuần LPG được niêm yết trên thị trường chứng khoán, cổ tức được duy trì chi trả ổn định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông Tổng công ty.

Việc đạt được các kết quả trên đây là nhờ Tổng công ty đã thực hiện các nhóm giải pháp sau:

❖ **Công tác kinh doanh:**

- ***Công tác tạo nguồn và đảm bảo nguồn hàng:***

Tổng công ty tiếp tục thực hiện các chính sách linh hoạt trong khâu tạo nguồn, đa dạng hoá nguồn hàng cung ứng, duy trì quan hệ hợp tác mua hàng với nhiều nhà cung cấp để có được giá nhập mua cạnh tranh nhất trong các kỳ đàm phán mua hàng. Các đối tác cung cấp hàng truyền thống của Tổng công ty đều là những đơn vị có uy tín hàng đầu khu vực và trong nước như E1 (Hàn Quốc), Itochu (Singapore), Pvgas Trading (trực thuộc Tổng công ty khí Việt Nam-Pvgas)...

Tổng công ty tiếp tục chú trọng công tác thu thập thông tin thị trường, giao dịch quốc tế và khu vực, diễn biến giá CP, tình hình nguồn cung để hỗ trợ cho công tác đảm bảo nguồn hàng cũng như hoạt động kinh doanh. Thông tin về diễn biến giá CP được cập nhật hàng ngày tới các đơn vị, bộ phận trực thuộc để phục vụ công tác bán hàng

- ***Kinh doanh gas rời:***

Tổng công ty đã chủ động xây dựng chính sách giá bán linh hoạt cũng như tăng cường công tác dịch vụ kỹ thuật, nâng cao chất lượng khâu giao nhận vận tải ..., để giữ chân các khách hàng truyền thống, các khách hàng có sản lượng tiêu thụ ổn định, khả năng thanh toán tốt. Công tác tiếp thị tiếp tục được đẩy mạnh để tìm kiếm khách hàng mới, đặc biệt tại các khu công nghiệp tập trung. Ngoài ra, trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, Tổng công ty tiếp tục quan tâm đến vấn đề an toàn tài chính trong triển khai chính sách kinh doanh, không để phát sinh công nợ khó đòi.

- ***Kinh doanh gas bình:***

Xuất phát từ tình hình thị trường đối mặt với nhiều khó khăn từ các yếu tố không thuận lợi của kinh tế vĩ mô, Tổng công ty đã cố gắng tập trung tối đa nguồn lực để gia tăng sản lượng bán hàng với các giải pháp nhóm giải pháp sau:

+ Đối với kênh bán trực tiếp, Tổng công ty đã tìm các giải pháp để đẩy mạnh sản lượng như thực hiện chính sách giá có sự phân biệt và có tính linh hoạt cao, có sự uyển chuyển, gắn kết giữa giá bán và thời hạn thanh toán, đầu tư, hỗ trợ kịp thời các đơn vị khoán nhằm tiếp cận vào các nhóm khách hàng tiềm năng: các siêu thị, trung tâm thương mại, trường học, nhà hàng, khách sạn...; phân chia khách hàng thành từng nhóm đối tượng để có chính sách bán hàng phù hợp với từng nhóm; tập trung phát triển các khách hàng có sản lượng lớn, đẩy mạnh công tác dịch vụ kỹ

- thuật sau bán hàng đối với các khách hàng sử dụng bình 48kg ...
- + Đối với kênh bán qua các công ty xăng dầu trong ngành thuộc hệ thống Petrolimex, Tổng công ty thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển bán lẻ trực tiếp đến các điểm bán là cửa hàng xăng dầu và cửa hàng chuyên doanh của các công ty xăng dầu nhằm mục đích hỗ trợ các cửa hàng xăng dầu, cửa hàng chuyên doanh tăng trưởng bền vững và gia tăng sản lượng.
 - + Đối với kênh đại lý ngoài ngành, Tổng công ty tiếp tục có các chính sách phù hợp nhằm duy trì, phát triển và mở rộng mạng lưới. Tổng công ty cũng thực hiện quy hoạch lại các đại lý tại một số vùng thị trường, tập trung gia tăng sản lượng đối với một số khách hàng truyền thống có nhiều tiềm năng, khai thác thêm đại lý mới là hộ kinh doanh bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng nhằm giữ ổn định và từng bước gia tăng sản lượng đối với kênh đại lý ngoài ngành.
 - **Công tác PR, quảng cáo, chống gian lận thương mại:**

Công tác PR, quảng cáo tiếp tục được chú trọng với nhiều hình thức quảng bá thương hiệu đa dạng nhằm thông tin tới người tiêu dùng chất lượng sản phẩm và dịch vụ vượt trội của Gas Petrolimex như PR qua các kênh truyền thông Youtube, Facebook, qua website... Công tác chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái cũng được chú trọng với nhiều hình thức phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước (báo chí, quản lý thị trường...).

❖ **Công tác tổ chức, nhân sự:**

Tổng công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tinh giản bộ máy quản lý, ưu tiên tối đa cho lao động bán hàng; đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động để từng bước nâng cao năng suất lao động; thường xuyên rà soát, đánh giá, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động; thực hiện giao khoán tiền lương triệt để đến từng bộ phận, cá nhân người lao động, gắn tiền lương với kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để tiền lương là đòn bẩy kinh tế nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Các phong trào thi đua tiếp tục được đẩy mạnh nhằm tạo sự gắn kết của người lao động cũng như vừa kích thích các hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển, khen thưởng kịp thời đối với đơn vị tăng trưởng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 và đóng góp vào thành tích chung hoàn thành kế hoạch của Tổng công ty.

❖ **Công tác tài chính:**

Tổng công ty tiếp tục chú trọng tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, thực hiện rà soát lại các quy trình quản lý chi phí, định mức khoán; khai thác tối đa hiệu quả dòng tiền để đem lại hiệu quả tài chính, góp phần vào hiệu quả chung của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, trong bối cảnh dư nợ tín dụng tại các ngân hàng thương mại trong nước bị thắt chặt trong các tháng cuối năm, Tổng công ty đã linh hoạt đàm phán với nhà cung cấp nước ngoài để tăng thời hạn thanh toán nhằm đảm bảo ổn định về nguồn hàng, đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

Công tác công nợ và an toàn tài chính tiếp tục được chú trọng trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Tổng công ty tiếp tục thực hiện đôn đốc, theo dõi diễn biến công nợ tại các đơn vị trực thuộc; trực tiếp kiểm tra và chấn chỉnh công tác quản lý tại các cửa hàng, chi nhánh, không để phát sinh công nợ tồn đọng mới; trực tiếp làm việc thu hồi nợ tại các đơn vị nợ quá hạn; tiếp tục triển khai bảo lãnh khi ký hợp đồng bán hàng; phân loại công nợ và phân loại đối tượng nợ để thu hồi nợ, đồng thời triển khai một số biện pháp mạnh để thu hồi nợ. Nhờ thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt, trong năm qua Tổng công ty đã thu hồi và xử lý được 90% số công nợ tồn đọng.

❖ **Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý kỹ thuật:**

Công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất tiếp tục được chú trọng để phục vụ tốt hơn cho công tác bán hàng. Trong năm 2022, Tổng công ty đã hoàn thiện hai dự án trọng điểm, bao gồm Dự án mở rộng sức chứa Nhà máy Đà Nẵng và Dự án thay thế thiết bị đo tính điện tử tự động và lường lại 3 bồn cầu LPG tại Nhà máy Sài Gòn, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các dự án đầu tư trọng điểm khác như Dự án xây dựng Trụ sở văn phòng và Trung tâm điều hành kinh doanh của PGC Hải Phòng, Dự án Di dời Trạm nạp LPG Quảng Bình... Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng triển khai đầu tư nâng cấp, cải tạo các hạng mục tại các Nhà máy, trạm nạp như máy bơm, trạm biến áp, bơm chữa cháy..., đầu tư bổ sung phương tiện vận tải để nâng cao năng lực tự vận tải.

Tổng công ty cũng duy trì công tác bảo dưỡng thường xuyên, kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường và kiểm định các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đúng định kỳ tại các Nhà máy, trạm nạp, đồng thời chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh lao động..., nhờ đó trong năm qua trên toàn Tổng công ty đã không phát sinh bất kỳ sự cố mất an toàn nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ **Công tác công nghệ thông tin:**

Tổng công ty tiếp tục chú trọng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp; triển khai nâng cấp phần mềm FTS, nâng cấp hàm ký số trên thiết bị HSM và kết nối với Tổng cục thuế để phục vụ xuất hoá đơn điện tử; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất công nghệ thông tin. Hệ thống công nghệ thông tin được vận hành ổn định, đảm bảo công tác an ninh, an toàn dữ liệu đồng thời hỗ trợ tốt cho công tác bán hàng, góp phần nâng cao chất lượng của công tác quản trị nội bộ cũng như tính chính xác và kịp thời của các quyết định quản lý.

❖ **Công tác an sinh, xã hội:**

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Tổng công ty cũng tiếp tục tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, đóng góp cho cộng đồng như tham gia hiến máu tình nguyện, tổ chức hoạt động từ thiện, ủng hộ gia đình cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn ... Các hoạt động này một mặt nâng cao hình ảnh của Tổng công ty, đồng thời thể hiện trách nhiệm của Tổng công ty đối với cộng đồng.

2. Tình hình tài chính

❖ Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2020	2021	2022
I	Tổng tài sản	1.906.052	2.427.626	2.521.592
1	Tài sản ngắn hạn	1.280.327	1.841.734	1.912.555
2	Tài sản dài hạn	625.725	585.893	609.037
II	Tổng nguồn vốn	1.906.052	2.427.626	2.521.592
1	Nợ phải trả	1.124.647	1.558.874	1.714.306
-	Nợ ngắn hạn	1.027.319	1.485.213	1.660.459
-	Nợ dài hạn	97.327	73.661	53.847
2	Vốn chủ sở hữu	781.406	868.753	807.286

❖ Tài sản ngắn hạn:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2020	2021	2022
I	Tài sản ngắn hạn	1.280.327	1.841.734	1.912.555
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	53.562	58.900	51.143
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	740.090	1.153.088	1.256.534
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	337.305	413.037	418.188
4	Hàng tồn kho	120.780	195.056	150.778
5	Tài sản ngắn hạn khác	28.590	21.653	35.912

❖ Tài sản dài hạn:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2020	2021	2022
I	Tài sản dài hạn	625.725	585.893	609.037
1	Các khoản phải thu dài hạn	463	355	264
2	Tài sản cố định	357.334	315.035	284.716
3	Bất động sản đầu tư	6.826	6.644	6.461
4	Tài sản dở dang dài hạn	5.551	2.797	44.632
5	Tài sản dài hạn khác	255.551	261.062	272.963

❖ Nguồn vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2020	2021	2022
I	Tài sản dài hạn	1.906.052	2.427.626	2.521.592
1	Nợ phải trả	1.124.647	1.558.874	1.714.306
2	Vốn chủ sở hữu	781.406	868.753	807.286

❖ Nợ phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2020	2021	2022
I	Nợ phải trả	1.124.647	1.558.874	1.714.306
1	Nợ ngắn hạn	1.027.319	1.485.213	1.660.459

2	Nợ dài hạn	97.327	73.661	53.847
---	------------	--------	--------	--------

❖ **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:**

STT	Chỉ tiêu	2020	2021	2022
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,25	1,24	1,15
2	Khả năng thanh toán nhanh	1,13	1,11	1,06
3	Khả năng thanh toán tức thời	0,77	0,82	0,79

Chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2022 >1, cho thấy Tổng công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

❖ **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:**

STT	Chỉ tiêu	2020	2021	2022
1	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,48	1,39	1,59
2	Vòng quay hàng tồn kho	17,31	18,19	25,07

Chỉ số về doanh thu thuần/Tổng tài sản của Tổng công ty năm 2022 tăng so với năm 2021 thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản năm 2022 của Tổng công ty đã được cải thiện so với năm 2021.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục thực hiện định hướng mang tính chiến lược về việc tái cấu trúc, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ, Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá lại mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh.

4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Hàng năm Tổng công ty đều lập và triển khai kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, đảm bảo quyền lợi, chế độ lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng cho người lao động như đã cam kết tại Thỏa ước lao động tập thể đồng thời phù hợp với chính sách phát triển dài hạn của Tổng công ty.
- Năm 2022, không có tranh chấp về lao động và quyền lợi của người lao động đối với các chương trình, kế hoạch mà Tổng công ty đã đề ra. Quyền lợi của người lao động được đảm bảo. Người lao động đều muốn gắn bó, làm việc lâu dài tại Tổng công ty

b. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tổng công ty nhiệt tình tham gia các cuộc vận động ủng hộ, tham gia công tác xã hội - từ thiện. Tích cực vận động và nhận được sự tham gia rất nhiệt tình ủng hộ từ CB-NLĐ cho công tác xã hội, từ thiện, đóng góp cho các quỹ: Vì người nghèo, vì trẻ em khuyết tật, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam, phối hợp với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Tập đoàn Xăng dầu Việt nam tổ chức chương trình hiến máu tình nguyện với số lượng trên 200 người tham gia.

Năm 2022, Tổng công ty đã nộp ngân sách nhà nước trên toàn hệ thống là 197 tỷ đồng (năm 2021 là 211 tỷ đồng)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty.

Tổng kết năm 2022, Tổng công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh khả quan. Tổng doanh thu thuần đạt 4.014 tỷ đồng, đạt 114% kế hoạch năm và bằng 119% thực hiện năm 2021; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 160,2 tỷ đồng, đạt 100,1% kế hoạch năm và bằng 100,1% so với thực hiện năm 2021. Tiếp tục thực hiện định hướng mang tính chiến lược về việc tái cấu trúc, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ, ... Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá lại mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các công ty con, các chi nhánh trực thuộc nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật trong toàn Tổng công ty, nhờ đó công tác quản lý hàng hóa đã được cải thiện rõ rệt, không còn hiện tượng thiếu hàng tại các kho, trạm của Tổng công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2022, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh Tổng công ty, cụ thể:

- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, sát sao, trung thực, cẩn trọng, với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tổng công ty và cổ đông.
- Triển khai, chỉ đạo các Phòng/Ban nghiệp vụ, các đơn vị thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông. Thường xuyên làm việc với các Phòng/Ban, đơn vị trực thuộc để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chấn chỉnh kịp thời những tồn tại.
- Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

Trên cơ sở kết quả hoạt động năm 2022 cùng với những nhận định, đánh giá về cơ hội, thách thức trong năm 2023, Hội đồng quản trị Tổng công ty định hướng hoạt

động năm 2023 như sau:

- Chuẩn bị tốt các công việc cho tổ chức Đại hội cổ đông năm 2023.
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra giám sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước; Giám sát việc thực hiện các Quy chế đã ban hành; thực hiện các sửa đổi, bổ sung cần thiết đối với các quy chế quản lý đã ban hành nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản trị của Tổng công ty;
- Bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn để có các Nghị quyết và Quyết định kịp thời đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2023 và trong giai đoạn tiếp theo;
- Tiếp tục chỉ đạo ban điều hành thực hiện nghiên cứu phương án kinh doanh sản phẩm mới, bước đầu nghiên cứu khả năng tổ chức kinh doanh khâu hạ nguồn sản phẩm CNG, LNG,...
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ cho quản lý, nâng cao năng lực của các hoạt động nghiệp vụ tuyến sau theo hướng tinh gọn nhẹ và đáp ứng nhanh, chính xác yêu cầu thông tin cho hoạt động trực tiếp kinh doanh, bán hàng và các hoạt động mang lại giá trị cho Tổng công ty;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số tại Tổng công ty;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch	0 CP	Không điều hành
2	Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên	0 CP	Điều hành
2	Nguyễn Khắc Trí	Ủy viên	34.084 CP	Điều hành
4	Giang Trung Kiên	Ủy viên	0 CP	Không điều hành
5	Trần Vũ Nam	Ủy viên	3.006.408 CP	Không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không có các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty Gas Petrolimex (HĐQT) đã tổ chức nhiều phiên họp dưới các hình thức khác nhau, từ họp tập trung đến các hình thức trực tuyến, hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phù hợp với những quy định hiện hành tại Điều lệ Tổng công ty. Tại các phiên họp, trên cơ sở những báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình hoạt động của Tổng công ty cũng như các giải pháp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn để đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, các thành viên HĐQT đã đi sâu bàn bạc, phân tích để từ đó có những chỉ đạo sát với tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua nhiều hình thức đa dạng như chỉ đạo trực tiếp tại mỗi cuộc họp và/hoặc Nghị quyết sau mỗi cuộc họp. Các hoạt động cụ thể trong năm như sau:

❖ *Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Trên cơ sở rà soát, đánh giá, phân tích những kết quả đã đạt được trong năm 2021; nhìn nhận sự nỗ lực, phấn đấu của cán bộ, CNV, người lao động trong Tổng công ty; phân tích kỹ dự báo về tình hình kinh tế-xã hội, những ảnh hưởng tích cực, tiêu cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2022, HĐQT đã có những chỉ đạo sát sao đối với Ban điều hành về việc triển khai xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với nhiều kịch bản khác nhau, sau đó trên cơ sở đánh giá kỹ lưỡng, lựa chọn phương án tối ưu nhất để trình Đại hội cổ đông thường niên của Tổng công ty. Sau khi được Đại hội cổ đông thông qua Kế hoạch, Hội đồng quản trị đã triển khai giao kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho Tổng công ty và các công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên. Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao, HĐQT đã luôn bám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch của Tổng công ty. Tại từng phiên họp của HĐQT, trên cơ sở báo cáo của Tổng giám đốc, HĐQT đã phân tích, đánh giá và đưa ra những nhận định, chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế của Tổng công ty và sự biến động của môi trường kinh doanh từ đó có những giải pháp, những chỉ đạo phù hợp trong các giai đoạn tiếp theo.

❖ *Công tác tổ chức và đổi mới mô hình hoạt động*

Tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức hoạt động theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ, ... HĐQT thường xuyên chỉ đạo rà soát, đánh giá các mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Cụ thể:

- Ban hành Quy chế quản lý và thực hiện công tác cán bộ, ban hành kèm theo Quyết định số 070/PGC-QĐ-HĐQT ngày 06/6/2022 thay thế một phần Quy chế thực hiện công tác tổ chức nhân sự, ban hành kèm theo Quyết định số 053/PGC-QĐ-HĐQT ngày 08/4/2013.
- Thực hiện các quy trình, thủ tục hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê duyệt bổ nhiệm/bổ nhiệm lại các chức danh cán bộ.
- Tổng công ty thường xuyên rà soát, đánh giá, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động, tiết kiệm tối đa lao động, đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động để từng bước nâng cao năng suất lao động. Tổng công ty tiếp tục theo dõi, nghiên cứu, phối hợp các PGC thành viên thực hiện đa dạng hóa các hình thu thập hồ sơ tuyển dụng như đăng tuyển tại các trang website việc làm, Trung tâm xúc tiến và giới thiệu việc làm, các công ty tuyển dụng chuyên nghiệp, các trường nghề liên quan để tìm kiếm nguồn lao động phù hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD (Lao động tuyển dụng mới chủ yếu để bổ sung, thay thế lao động nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động).
- Đẩy mạnh công tác phối hợp, hỗ trợ các công ty xăng dầu thành viên của Tập

- đoàn xăng dầu Việt Nam để mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng thị phần của Tổng công ty; đồng thời khai thác tốt hơn mạng lưới phân phối riêng có của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, tạo sự phát triển ổn định và bền vững;
- Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các công ty con, các chi nhánh trực thuộc nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

❖ *Đối với công tác đầu tư cơ sở vật chất ngành hàng:*

Công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất tiếp tục được chú trọng để phục vụ tốt hơn cho công tác bán hàng. Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục tập trung đẩy mạnh triển khai các công trình trọng điểm, bao gồm các dự án: Mở rộng sức chứa Nhà máy LPG Đà Nẵng, Dự án thay thế thiết bị đo tính điện tử tự động và lường lại 3 bồn cầu LPG tại Nhà máy LPG Sài Gòn; Dự án xây dựng Trụ sở văn phòng và Trung tâm điều hành kinh doanh của PGC Hải Phòng và Dự án Di dời Trạm nạp LPG Quảng Bình. Ngoài ra trong năm 2022, Tổng công ty đã tiến hành đầu tư bổ sung 1 xe bán tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho Chi nhánh Quảng Bình - PGC Đà Nẵng, thay thế trạm biến áp 100KVA cho trạm nạp Ninh Bình, cải tạo, nâng cấp trạm cân nhà máy LPG Đà Nẵng, trang bị 1 xe ô tô tải chở bình gas cho PGC Hải Phòng.

Tổng giá trị thực hiện năm 2022 đạt 34,965 tỷ đồng, tương đương khoảng 56 % so với kế hoạch năm (năm 2022 chủ yếu triển khai các hạng mục công trình chuyển tiếp từ năm trước và các hạng mục mới đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư). Tỷ trọng thực hiện đạt thấp do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan tác động. Do vậy, năm 2023 Tổng công ty cần chỉ đạo các đơn vị khi xây dựng kế hoạch đầu tư phải có tính khả thi và chi tiết về tiến độ dự kiến thực hiện hàng tháng để theo dõi và quản lý

❖ *Công tác hoàn thiện các quy chế quản lý:*

Trong năm, HĐQT đã phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và thực hiện công tác tổ chức cán bộ phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế tại Tổng công ty.

❖ *Đánh giá hoạt động quản lý, giám sát năm 2022:*

Năm 2022, HĐQT Tổng công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và việc chấp hành các chế độ chính sách của Đảng và Nhà Nước. Tại các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh do Tổng giám đốc trình bày, HĐQT đã kịp thời có những chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng công ty. Thông qua các Nghị quyết, Quyết định HĐQT đã nêu ra các định hướng, giải pháp đúng đắn và kịp thời để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua và giao nhiệm vụ.

Thường xuyên rà soát việc thực hiện Điều lệ và tổ chức hoạt động của Tổng công ty cũng như các Quy chế quản lý của Tổng công ty đảm bảo sự phù hợp với tình hình phát triển của Tổng công ty. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành

các Quy chế đã ban hành; thường xuyên xem xét các kiến nghị của Tổng giám đốc để có những điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

Tiếp tục thực hiện chính sách phát triển mạng lưới qua các công ty xăng dầu trong hệ thống của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam nhằm mở rộng thị trường, gia tăng thị phần đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững; thực hiện sắp xếp lại công tác quản lý các chi nhánh cho phù hợp với yêu cầu phát triển của thị trường, giảm thiểu việc cạnh tranh nội bộ trong Tổng công ty, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Đối với công tác đầu tư xây dựng: HĐQT luôn bám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư lớn, kịp thời ban hành các Nghị quyết điều chỉnh, thay đổi nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh công tác triển khai các dự án đầu tư.

❖ *Nghị quyết đã được HĐQT ban hành trong năm 2022*

Trong năm 2022, thông qua các phiên họp hoặc dưới hình thức tập trung, trực tiếp, hoặc thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành Nghị quyết lãnh đạo, điều hành theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật và của Tổng công ty, cụ thể:

SỐ TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	001/PGC-NQ-HĐQT	14/01/2022	Làm thủ tục bổ nhiệm lại Chủ tịch kiêm giám đốc PGC Cần Thơ
2	005/PGC-NQ-HĐQT	27/01/2022	Bổ nhiệm lại Chủ tịch kiêm giám đốc PGC Cần Thơ
3	010/PGC-NQ-HĐQT	14/02/2022	Kéo dài thời hạn nhiệm kỳ KSV Tổng công ty tại các Công ty TNHH thành viên
4	015/PGC-NQ-HĐQT	16/02/2022	Sửa đổi/ bổ sung bảng lương vị trí/ chức danh công việc và phụ cấp lương của Tổng công ty
5	018/PGC-NQ-HĐQT	22/02/2022	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐ 2022
6	020/PGC-NQ-HĐQT	07/03/2022	Tạm giao kế hoạch SXKD 2022
7	029/PGC-NQ-HĐQT	09/03/2022	Phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G
8	031/PGC-NQ-HĐQT	21/03/2022	Xếp loại công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên
9	043/PGC-NQ-HĐQT	06/04/2022	Làm thủ tục bổ nhiệm lại cán bộ
10	045/PGC-NQ-HĐQT	13/04/2022	Bổ nhiệm lại cán bộ hết nhiệm kỳ từ 01/05/2022
11	048/PGC-NQ-HĐQT	13/04/2022	Giới thiệu nhân sự bầu HĐQT Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP nhiệm kỳ 2022-2027
12	049/PGC-NQ-HĐQT	19/04/2022	Bổ sung nhân sự Phó Trưởng ban Tổng hợp Hội đồng quản trị Tổng công ty
13	051/PGC-NQ-HĐQT	27/04/2022	Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Trưởng ban Tổng hợp Hội đồng quản trị Tổng công ty
14	053/PGC-NQ-HĐQT	11/05/2022	Phân phối quỹ khen thưởng từ lợi nhuận năm tài chính 2021
15	054/PGC-NQ-HĐQT	11/05/2022	Phê duyệt hạn mức với các ngân hàng năm 2022

16	056/PGC-NQ-HĐQT	16/05/2022	Thoái vốn tại Tổng công ty cổ phần dệt may Hà Nội
17	057/PGC-NQ-HĐQT	17/05/2022	Chốt danh sách cổ đông để thanh toán cổ tức năm 2021
18	062/PGC-NQ-HĐQT	31/05/2022	Cử Kiểm soát viên PGC Đà Nẵng
19	064/PGC-NQ-HĐQT	31/05/2022	Phê duyệt Dự án xây dựng VP PGC Hải Phòng
20	066/PGC-NQ-HĐQT	06/06/2022	Xử lý các khoản công nợ khó đòi tại các công ty TNHH Gas Petrolimex thành viên
21	067/PGC-NQ-HĐQT	06/06/2022	Xử lý các khoản công nợ khó đòi tại PGC Sài Gòn
22	068/PGC-NQ-HĐQT	06/06/2022	Xử lý các khoản công nợ khó đòi tại PGC Đà Nẵng
23	069/PGC-NQ-HĐQT	06/06/2022	Phê duyệt Quy chế quản lý và thực hiện công tác tổ chức cán bộ Tổng công ty Gas Petrolimex-CTCP
24	073/PGC-NQ-HĐQT	16/06/2022	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm Chủ tịch kiêm giám đốc PGC Đà Nẵng
25	074/PGC-NQ-HĐQT	21/06/2022	Phê nhân sự làm thủ tục bổ nhiệm Chủ tịch kiêm giám đốc PGC Đà Nẵng
26	084/PGC-NQ-HĐQT	27/06/2022	Nghị quyết phiên họp HĐQT tháng 6/2022
27	085/PGC-NQ-HĐQT	27/06/2022	Thành lập hội đồng xử lý nợ PGC Sài Gòn
28	088/PGC-NQ-HĐQT	27/06/2022	Bổ nhiệm Chủ tịch kiêm giám đốc PGC Đà Nẵng
29	093/PGC-NQ-HĐQT	15/07/2022	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022
30	095/PGC-NQ-HĐQT	30/09/2022	Kéo dài thời gian giữ chức vụ PTGD TCT
31	103/PGC-NQ-HĐQT	16/11/2022	Xử lý tài chính đối với khoản công nợ phải thu khó đòi, không có khả năng thu hồi của Công ty TNHH ITG Phong Phú tại PGC Đà Nẵng
32	104/PGC-NQ-HĐQT	16/11/2022	NQ phiên họp HĐQT tháng 11/2022
33	105/PGC-NQ-HĐQT	16/11/2022	Xử lý tài chính đối với khoản công nợ phải thu khó đòi, không có khả năng thu hồi của Công ty TNHH Sản xuất Xích chuyên dùng Việt nam tại PGC SG
34	106/PGC-NQ-HĐQT	16/11/2022	Xử lý tài chính đối với khoản công nợ phải thu khó đòi, không có khả năng thu hồi của Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ tại PGC SG
35	107/PGC-NQ-HĐQT	18/11/2022	Chốt danh sách cổ đông để tạm ứng cổ tức 2022
36	108/PGC-NQ-HĐQT	22/11/2022	Phê duyệt BC KTKT Trạm LPG Quảng Bình
37	114/PGC-NQ-HĐQT	30/12/2022	Bổ nhiệm lại PTGD TCT
38	115/PGC-NQ-HĐQT	30/12/2022	Tạm ứng quỹ khen thưởng năm 2022
39	123/PGC-NQ-HĐQT	30/12/2022	Giao KH Tiền lương NQL TCT năm 2022

- d) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:
 Các thành viên Hội đồng quản trị đều có chứng nhận đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu
1	Kiều Văn Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát Chuyên trách	0 CP
2	Lê Thị Hải	Thành viên Ban Kiểm soát Chuyên trách	19 CP
3	Doãn Duy Đạo	Thành viên Ban Kiểm soát Kiêm nhiệm	0 CP

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tiến hành các cuộc họp thường kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi để thực hiện công việc trong công tác kiểm soát.
- Ban Kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022. Giám sát tính thực thi nội dung những quyết nghị của Hội đồng Quản trị (HĐQT) sau mỗi phiên họp.
- Tham dự 100% các cuộc họp định kỳ của HĐQT và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.
- Tham dự các phiên họp giao ban, họp theo chuyên đề của Ban Điều hành để tham gia ý kiến đối với việc chỉ đạo hoạt động SXKD.
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng tháng, quý do Ban Điều hành chuẩn bị để kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát.
- Tham gia giám sát và có ý kiến về việc xây dựng KH SXKD năm và giao KH SXKD cho các đơn vị.
- Tham gia thảo luận, góp ý trong quá trình xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy trình quản lý.
- Xem xét và có ý kiến về những vấn đề được đưa ra trong báo cáo của Kiểm toán độc lập, Báo cáo gửi các cơ quan chức năng.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ, đã đánh giá toàn diện tình hình thực hiện KH SXKD năm 2022 và việc triển khai một số chính sách lớn trong công tác kinh doanh như: Công tác tạo nguồn và đảm bảo nguồn hàng, công tác phát triển mạng lưới bán hàng, công tác thực hiện cơ chế khoán toàn diện đối với các Cửa hàng, Chi nhánh, quản lý võ bình, quản lý công nợ, công tác tổ chức, lao động, tiền lương, công tác đầu tư XDCB, CNTT... Sau kiểm tra, giám sát đã có kiến nghị kịp thời với HĐQT và Ban Điều hành đối với những vấn đề còn tồn tại, những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát

a) Lương, thù lao:

- Việc trả tiền lương, tiền thưởng và các thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được trả theo quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định hiện hành của Tổng công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ban quản lý điều hành Tổng công ty được thưởng từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2022 là: **822,89** triệu đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Họ tên	Chức danh	Tiền thưởng thực hiện
I	Hội đồng quản trị		67,72
1	Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty	25,41
2	Ông Trịnh Quang Vinh	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm (01/01-14/04/2021)	5,26
3	Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	1,48
4	Ông Phan Phương Anh	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	17,79
5	Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	17,79
II	Ban Kiểm soát		150,93
1	Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty	89,01
2	Bà Lê Thị Hải	Thành viên BKS chuyên trách	61,92
3	Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên BKS kiêm nhiệm	
III	Ban điều hành		604,24
1	Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty (01/01-30/11/2021)	115,95
2	Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty (từ 01/12/2021)	11,21
	Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc (đến 30/11/2021)	81,16
3	Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	89,01
4	Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc	89,01
5	Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc	89,01
6	Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc	52,25
	Bà Đỗ Thị Vân Chi	Kế toán trưởng	31,28
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	45,36
	Tổng cộng		822,89

- Các thu nhập khác thực hiện theo quy định về chính sách đối với người lao động của Nhà nước và của Tổng công ty.
- Căn cứ Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS và Ban điều hành năm 2022, Tổng công ty dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên

2023 thông qua. Tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS và Ban điều hành năm 2022 dự kiến được trả như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao thực hiện
I	Hội đồng quản trị		571,71
1	Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty	233,52
2	Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm (đến 14/4/2022)	43,04
3	Ông Phan Phương Anh	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm (đến 14/4/2022)	43,04
4	Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm	147,57
5	Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm (tứ 14/4/2022)	104,53
II	Ban Kiểm soát		1.356,71
1	Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	737,87
2	Bà Lê Thị Hải	Thành viên BKS chuyên trách	515,70
3	Doãn Duy Đạo	Thành viên BKS kiêm nhiệm	103,14
III	Ban điều hành		4.642,91
1	Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc; Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty	1.054,10
2	Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	737,87
3	Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc, Đại diện vốn của Tập đoàn tại Tcty	737,87
4	Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc	737,87
5	Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc	737,87
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	637,33
	Tổng cộng		6.571,33

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.
- d) Việc thực hiện các qui định về quản trị công ty

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống nội quy, quy chế, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Gas Petrolimex và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

(Trích dẫn từ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm theo báo cáo)

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX-CTCP



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Quang



TỔNG
CÔNG TY
GAS
PETROLI
MEX - P
CTCP

Digitally signed by TÔNG CÔNG
TY GAS PETROLIMEX - CTCP
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=TỔNG
CÔNG TY GAS PETROLIMEX -
CTCP, CN=TỔNG CÔNG TY
GAS PETROLIMEX - CTCP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST.0101447725
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2023.03.31 13:25:10+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Trí	Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)
Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 31-03-2023



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 31-03-2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00168-23-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 31-03-2023

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3073-2019-007-1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.912.555.317.945	1.841.733.557.794
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	51.142.685.869	58.899.786.471
Tiền	111		51.142.685.869	58.899.786.471
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.256.534.282.544	1.153.088.004.430
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(1.875.717.456)	(1.021.995.570)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	1.255.800.000.000	1.151.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		418.188.329.143	413.036.758.066
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	355.467.343.509	365.046.741.759
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.955.614.925	30.832.624.856
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	61.438.045.458	24.994.247.884
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(739.064.759)	(7.836.856.433)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		66.390.010	-
Hàng tồn kho	140	9	150.777.521.308	195.055.808.065
Hàng tồn kho	141		152.671.782.778	197.079.373.371
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.894.261.470)	(2.023.565.306)
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.912.499.081	21.653.200.762
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.996.157.795	4.271.272.449
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.329.603.103	16.837.147.197
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	586.738.183	544.781.116

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	200		609.036.938.202	585.892.857.980
Các khoản phải thu dài hạn	210		264.386.408	354.842.408
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	165.837.000	256.293.000
Phải thu dài hạn khác	216		98.549.408	98.549.408
Tài sản cố định	220		284.716.220.881	315.035.464.538
Tài sản cố định hữu hình	221	10	217.760.748.400	248.592.447.848
Nguyên giá	222		884.402.842.508	876.376.838.719
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(666.642.094.108)	(627.784.390.871)
Tài sản cố định vô hình	227	11	66.955.472.481	66.443.016.690
Nguyên giá	228		80.757.637.184	79.836.060.184
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.802.164.703)	(13.393.043.494)
Bất động sản đầu tư	230	12	6.460.917.881	6.643.511.213
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.582.247.384)	(2.399.654.052)
Tài sản dở dang dài hạn	240		44.632.060.911	2.797.301.826
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	44.632.060.911	2.797.301.826
Tài sản dài hạn khác	260		272.963.352.121	261.061.737.995
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	267.309.640.293	256.085.704.497
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	5.653.711.828	4.976.033.498
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.521.592.256.147	2.427.626.415.774

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.714.306.262.596	1.558.873.750.031
Nợ ngắn hạn	310		1.660.459.228.809	1.485.213.234.888
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	475.638.861.069	353.476.590.560
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.313.070.367	11.707.646.306
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	13.988.497.504	11.801.169.479
Phải trả người lao động	314		36.190.842.122	45.712.505.709
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.453.358.450	4.616.000.513
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		220.449.673	175.353.040
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	85.108.529.098	9.692.745.650
Vay ngắn hạn	320	20	1.012.040.975.052	1.022.905.627.753
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		16.905.075.156	22.114.592.375
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	3.599.570.318	3.011.003.503
Nợ dài hạn	330		53.847.033.787	73.660.515.143
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	53.847.033.787	73.660.515.143
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		807.285.993.551	868.752.665.743
Vốn chủ sở hữu	410	22	807.285.993.551	868.752.665.743
Vốn cổ phần	411	23	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	146.665.416.338	132.215.412.587
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.611.089.803	119.247.893.803
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(332.139.946)	(381.093.228)
- LNST năm nay	421b		48.943.229.749	119.628.987.031
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.632.807.410	13.912.679.353
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.521.592.256.147	2.427.626.415.774

Người lập:

31-03-2023

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	4.088.763.575.002	3.419.698.259.428
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	74.405.204.643	56.786.458.943
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	4.014.358.370.359	3.362.911.800.485
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	3.404.579.921.043	2.791.197.624.306
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		609.778.449.316	571.714.176.179
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	81.850.140.009	54.654.904.562
Chi phí tài chính	22	30	63.984.997.734	32.698.203.316
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		55.983.069.708	32.368.024.952
Chi phí bán hàng	25	31	338.177.945.879	312.025.435.952
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	136.196.148.345	130.216.487.021
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		153.269.497.367	151.428.954.452
Thu nhập khác	31	33	7.863.762.867	29.822.450.847
Chi phí khác	32		920.830.974	21.232.002.215
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.942.931.893	8.590.448.632
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		160.212.429.260	160.019.403.084
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	34.272.310.781	34.256.580.898
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	(677.678.330)	(55.022.184)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		126.617.796.809	125.817.844.370

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		126.617.796.809	125.817.844.370
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		121.350.371.748	120.033.087.031
Cổ đông không kiểm soát	62		5.267.425.061	5.784.757.339
				Đã điều chỉnh lại
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.669	1.647

31-03-2023

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	160.212.429.260	160.019.403.084
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	47.327.950.941	50.886.477.268
Các khoản dự phòng	03	(11.582.890.843)	4.283.899.146
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.673.536.552)	(503.819.965)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(74.207.164.624)	(49.727.554.210)
Chi phí lãi vay	06	55.983.069.708	32.368.024.952
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	173.059.857.890	197.326.430.275
Biến động các khoản phải thu	09	26.412.202.420	(38.807.982.346)
Biến động hàng tồn kho	10	44.407.590.593	(76.299.219.746)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	82.995.058.678	90.476.609.841
Biến động chi phí trả trước	12	(15.277.994.425)	(7.641.243.946)
		311.596.715.156	165.054.594.078
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.476.707.675)	(31.257.277.322)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(32.461.525.262)	(31.753.716.863)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.385.579.033)	(20.049.364.313)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	204.272.903.186	81.994.235.580

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(46.128.103.238)	(31.962.324.843)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	404.165.664	1.251.434.979
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.496.100.000.000)	(2.061.800.000.000)
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	1.391.800.000.000	1.649.400.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	39.393.410.233	47.993.939.164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(110.630.527.341)	(395.116.950.700)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.093.761.976.480	2.517.359.428.877
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.104.626.629.181)	(2.180.022.265.868)
Tiền trả cổ tức	36	(90.534.658.553)	(18.862.896.528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(101.399.311.254)	318.474.266.481
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.756.935.409)	5.351.551.361
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	58.899.786.471	53.562.032.612
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(165.193)	(13.797.502)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	51.142.685.869	58.899.786.471

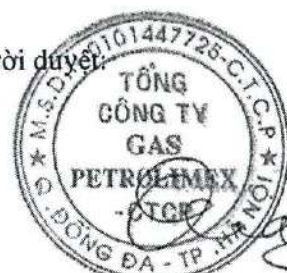
31-03-2023

Người lập:

Phạm Văn Học
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2021 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2022: 6 công ty con) như sau:

			31/12/2022 và 1/1/2022 % sở hữu và % quyền biểu quyết
	Hoạt động chính	Địa chỉ	
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con có 1.080 nhân viên (1/1/2022: 1.065 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần trăm sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ tài sản khác	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 40 - 60 năm. Khấu hao không được tính cho các lô đất mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|--------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 50 năm |
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 48 năm |

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang không được tính trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vỏ bình gas

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty hoặc các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho năm chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và trong năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	3.672.143.201	2.417.104.649
Tiền gửi ngân hàng	47.435.818.668	56.482.681.822
Tiền đang chuyển	34.724.000	-
	<hr/>	<hr/>
	51.142.685.869	58.899.786.471

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	Giá gốc VND	31/12/2022	Dự phòng giảm giá VND
			Giá thị trường (*) VND	
<i>Cổ phiếu</i>				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	734.282.544	(1.875.717.456)
<hr/>				
	Số lượng	Giá gốc VND	1/1/2022	Dự phòng giảm giá VND
			Giá thị trường (*) VND	
<i>Cổ phiếu</i>				
Tổng Công ty Cổ phần Đệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.588.004.430	(1.021.995.570)

(*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.255.800.000.000	1.255.800.000.000
<hr/>		
	1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.151.500.000.000	1.151.500.000.000

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	355.467.343.509	365.046.741.759
Dài hạn	165.837.000	256.293.000
	<hr/>	<hr/>
	355.633.180.509	365.303.034.759
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	81.320.743.198	82.247.655.996
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	48.278.204.658	13.742.804.272
Phải thu người lao động	7.280.238.287	3.351.604.523
Hàng hóa cho mượn sản xuất	25.810.200	-
Phải thu ngắn hạn khác	5.853.792.313	7.899.839.089
	<hr/>	<hr/>
	61.438.045.458	24.994.247.884
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2022			1/1/2022				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG – Phong Phú	-	-	-	-	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	-	-	-	-	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-
Công ty TNHH Sản xuất Xích chuyển dụng Việt Nam	-	-	-	-	Trên 5 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-
Các khách hàng khác	6 - 12 tháng	99.261.944	(29.778.583)	69.483.361	6 - 12 tháng	2.100.719.706	(630.215.912)	1.470.503.794
Các khách hàng khác	1 - 2 năm	9.426.377	(4.713.189)	4.713.188	1 - 2 năm	1.053.180.851	(526.590.426)	526.590.425
Các khách hàng khác	2 - 3 năm	89.571.038	(62.699.727)	26.871.311	2 - 3 năm	970.722.337	(723.812.423)	246.909.914
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	641.873.260	(641.873.260)	-	Trên 3 năm	494.580.946	(494.580.946)	-
		840.132.619	(739.064.759)	101.067.860		10.080.860.566	(7.836.856.433)	2.244.004.133

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(739.064.759)

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.836.856.433	6.806.710.096
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(1.636.134.948)	1.030.146.337
Sử dụng trong năm	(5.461.656.726)	-
Số dư cuối năm	<u>739.064.759</u>	<u>7.836.856.433</u>

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi				
trên đường	14.348.995.556	-	20.436.671.691	-
Nguyên vật liệu	43.671.023.341	-	50.634.370.458	-
Công cụ và dụng cụ	1.575.921.000	-	415.597.500	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	2.670.464.227	-	6.592.886.122	-
Thành phẩm	1.047.054.861	-	13.107.165.265	-
Hàng hóa	89.358.323.793	(1.894.261.470)	105.892.682.335	(2.023.565.306)
	<u>152.671.782.778</u>	<u>(1.894.261.470)</u>	<u>197.079.373.371</u>	<u>(2.023.565.306)</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 20/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	399.088.668.024	343.534.007.203	115.187.710.521	13.637.649.549	4.928.803.422	876.376.838.719
Tăng trong năm	151.615.500	1.419.768.817	824.767.375	3.161.196.255	50.650.000	5.607.997.947
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	445.360.674	6.437.244.587	966.622.251	181.086.869	62.863.000	8.093.177.381
Thanh lý	(335.263.528)	(689.169.603)	(1.569.878.261)	-	-	(2.594.311.392)
Xóa sổ	(1.176.939.228)	(1.065.707.297)	(764.507.427)	-	(73.706.195)	(3.080.860.147)
Số dư cuối năm	398.173.441.442	349.636.143.707	114.644.714.459	16.979.932.673	4.968.610.227	884.402.842.508
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	254.343.878.498	278.860.385.981	78.246.198.063	12.180.057.156	4.153.871.173	627.784.390.871
Khấu hao trong năm	14.790.304.814	19.865.684.959	8.456.283.375	1.048.273.064	246.516.905	44.407.063.117
Thanh lý	(300.788.265)	(645.938.862)	(1.542.344.806)	-	-	(2.489.071.933)
Xóa sổ	(1.156.367.028)	(1.065.707.297)	(764.507.427)	-	(73.706.195)	(3.060.287.947)
Số dư cuối năm	267.677.028.019	297.014.424.781	84.395.629.205	13.228.330.220	4.326.681.883	666.642.094.108
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	144.744.789.526	64.673.621.222	36.941.512.458	1.457.592.393	774.932.249	248.592.447.848
Số dư cuối năm	130.496.413.423	52.621.718.926	30.249.085.254	3.751.602.453	641.928.344	217.760.748.400

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 272.919 triệu VND (1/1/2022: 207.889 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 5.139 triệu VND (1/1/2022: 4.291 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	68.621.961.448	11.214.098.736	79.836.060.184
Tăng trong năm	-	570.000.000	570.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	351.577.000	-	351.577.000
Số dư cuối năm	68.973.538.448	11.784.098.736	80.757.637.184
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.633.855.954	10.759.187.540	13.393.043.494
Khấu hao trong năm	223.780.336	185.340.873	409.121.209
Số dư cuối năm	2.857.636.290	10.944.528.413	13.802.164.703
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	65.988.105.494	454.911.196	66.443.016.690
Số dư cuối năm	66.115.902.158	839.570.323	66.955.472.481

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 10.552 triệu VND (1/1/2022: 10.552 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.785.630.001	614.024.051	2.399.654.052
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	1.924.770.001	657.477.383	2.582.247.384
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.171.775.469	1.471.735.744	6.643.511.213
Số dư cuối năm	5.032.635.469	1.428.282.412	6.460.917.881

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.797.301.826	5.550.870.414
Tăng trong năm	50.279.513.466	9.286.052.942
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(8.093.177.381)	(12.039.621.530)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(351.577.000)	-
Số dư cuối năm	44.632.060.911	2.797.301.826

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công trình mở rộng sức chứa LPG Đà Nẵng	41.627.924.146	-
Lắp đặt bồn chi nhánh Quảng Bình và Khánh Hòa	1.342.196.379	1.255.564.048
Các công trình khác	1.661.940.386	1.541.737.778
	<hr/> 44.632.060.911	<hr/> 2.797.301.826

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	213.029.229.457	23.385.691.853	19.670.783.187	256.085.704.497
Tăng trong năm	62.566.327.056	1.766.750.597	9.252.624.871	73.585.702.524
Phân bổ trong năm	(51.550.242.643)	(2.329.173.283)	(7.579.332.892)	(61.458.748.818)
Thanh lý	(48.288.258)	-	(12.944.021)	(61.232.279)
Giảm khác	(841.785.631)	-	-	(841.785.631)
	<hr/> 223.155.239.981	<hr/> 22.823.269.167	<hr/> 21.331.131.145	<hr/> 267.309.640.293

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	5.653.711.828	4.976.033.498

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.477.334.135	575.010.533
Bên khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	273.533.734.243	154.951.720.403
Công ty TNHH EI Corporation	164.768.303.902	111.853.013.247
PTT International Trading PTE Ltd	-	19.752.169.500
Itochu Petroleum Co., Pte.Ltd	-	19.653.900.000
Các nhà cung cấp khác	35.859.488.789	46.690.776.877
	<hr/>	<hr/>
	475.638.861.069	353.476.590.560

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2022		Số phát sinh trong năm VND		Số bù trừ/đã nộp trong năm VND		31/12/2022	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phát sinh trong năm VND	Số bù trừ/đã nộp trong năm VND	Phải thu VND	Phải trả VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	966.116.933	32.984.668.463	(32.277.164.785)	(72.428.082)	1.746.048.693		
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	94.544.717.226	(93.530.814.167)	-	1.013.903.059		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(255.289.315)	8.819.250.378	34.272.310.781	(32.461.525.262)	(37.862.343)	10.412.608.925		
Thuế thu nhập cá nhân	(289.491.801)	1.217.398.332	6.450.945.992	(7.056.045.656)	(476.447.758)	799.254.625		
Thuế nhập khẩu	-	798.403.836	30.932.177.253	(31.730.581.089)	-	-		
Thuế khác	-	-	295.607.755	(278.925.553)	-	16.682.202		
	(544.781.116)	11.801.169.479	199.480.427.470	(197.335.056.512)	(586.738.183)	13.988.497.504		

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi vay	3.094.974.438	1.588.612.405
Trích trước chi phí hoạt động	4.358.384.012	3.027.388.108
	<hr/>	<hr/>
	7.453.358.450	4.616.000.513
	<hr/>	<hr/>

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.234.019.727	2.134.084.416
Cổ tức phải trả	76.888.116.420	312.451.820
Phải trả ngắn hạn khác	5.986.392.951	7.246.209.414
	<hr/>	<hr/>
	85.108.529.098	9.692.745.650
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong năm		31/12/2022
	Giá trị ghi sổ			Giá trị ghi sổ
	và số có			và số có
	khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.022.905.627.753	3.093.761.976.480	(3.104.626.629.181)	1.012.040.975.052
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	376.596.719.569	491.738.693.139
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	186.047.187.554	92.703.852.728
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	177.747.187.554	91.403.852.728
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	VND	8.300.000.000	1.300.000.000
Ngân hàng BNP Paribas (i)	VND	118.856.739.265	145.171.658.856
Ngân hàng B.O.C (i)	VND	118.258.938.433	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (i)	VND	27.330.423.322	98.547.204.007
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH (i)	VND	5.905.565.470	84.299.313.566
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - bên liên quan (i)	VND	-	1.000.000.000
		1.012.040.975.052	1.022.905.627.753

- (i) Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất cố định theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.
- (ii) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ là 5.139 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 4.291 triệu VND) (Thuyết minh 10).

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.011.003.503	3.442.832.101
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	20.974.145.848	19.213.435.715
Sử dụng trong năm	(20.385.579.033)	(19.645.264.313)
Số dư cuối năm	3.599.570.318	3.011.003.503

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021	603.426.380.000	(49.700.000)	118.197.604.300	44.551.859.377	15.279.389.939	781.405.533.616
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	120.033.087.031	5.784.757.339	125.817.844.370
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.017.808.287	(14.017.808.287)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	(18.847.287.318)	(366.148.397)	(19.213.435.715)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(12.067.857.000)	(6.785.319.528)	(18.853.176.528)
Biến động khác	-	-	-	(404.100.000)	-	(404.100.000)
Số dư tại ngày 1/1/2022	603.426.380.000	(49.700.000)	132.215.412.587	119.247.893.803	13.912.679.353	868.752.665.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	121.350.371.748	5.267.425.061	126.617.796.809
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.450.003.751	(14.450.003.751)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	(20.655.030.997)	(319.114.851)	(20.974.145.848)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(156.882.141.000)	(10.228.182.153)	(167.110.323.153)
Số dư tại ngày 31/12/2022	603.426.380.000	(49.700.000)	146.665.416.338	48.611.089.803	8.632.807.410	807.285.993.551

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

25. Cổ tức

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 về việc chia cổ tức năm 2021 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022, tại cuộc họp ngày 6 tháng 5 năm 2022 và ngày 3 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã quyết nghị thực hiện phân phối cổ tức năm 2021 và tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền lần lượt trị giá 84.475 triệu VND và 72.407 triệu VND (2021: 12.086 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	-	748.714.604

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	839,66	19.765.839	802,80	18.560.807
Euro (“EUR”)	124,42	3.097.907	159,09	4.008.846
		<u>22.863.746</u>		<u>22.569.653</u>

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm xóa sổ	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH ITG – Phong Phú	2022	2.467.346.164	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	2022	1.751.495.029	-
Công ty TNHH Sản xuất Xích chuyên dụng Việt Nam	2022	1.242.815.533	-
		<u>5.461.656.726</u>	<u>-</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng	4.028.587.696.522	3.359.411.928.544
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.603.788.220	30.609.070.647
▪ Doanh thu cho thuê	3.782.914.818	4.376.452.951
▪ Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas	23.789.175.442	25.300.807.286
	<hr/> 4.088.763.575.002	<hr/> 3.419.698.259.428
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(56.546.693.106)	(42.965.326.293)
▪ Hàng bán bị trả lại	(17.858.511.537)	(13.821.132.650)
	<hr/> (74.405.204.643)	<hr/> (56.786.458.943)
Doanh thu thuần	<hr/> 4.014.358.370.359	<hr/> 3.362.911.800.485

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	3.372.775.169.247	2.760.527.208.679
▪ Cung cấp dịch vụ	29.068.296.615	26.739.868.973
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.865.759.017	1.906.981.348
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(129.303.836)	2.023.565.306
	<hr/> 3.404.579.921.043	<hr/> 2.791.197.624.306

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	73.828.810.619	50.477.552.204
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.226.917.358	3.673.532.393
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.673.536.552	503.819.965
Cổ tức được chia	100.000.000	-
Doanh thu khác	20.875.480	-
	<hr/>	<hr/>
	81.850.140.009	54.654.904.562
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	55.983.069.708	32.368.024.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.216.362.863	928.182.794
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	853.721.886	(598.004.430)
Chi phí khác	931.843.277	-
	<hr/>	<hr/>
	63.984.997.734	32.698.203.316
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	91.167.595.196	84.458.260.984
Chi phí khấu hao	3.643.437.869	3.696.955.319
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	52.996.306.900	52.349.365.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.364.363.865	75.461.970.394
Chi phí bán hàng khác	109.006.242.049	96.058.883.868
	<hr/>	<hr/>
	338.177.945.879	312.025.435.952
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	72.227.663.877	77.945.007.790
Chi phí khấu hao	5.422.358.404	4.144.965.733
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(1.636.134.948)	1.030.146.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.100.664.097	22.148.887.406
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	32.081.596.915	24.947.479.755
	<hr/> 136.196.148.345	<hr/> 130.216.487.021

33. Thu nhập khác

	2022 VND	2021 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	298.926.205	-
Lãi thanh lý vô bình	1.330.042.318	-
Thu nhập từ tiền phạt vi phạm hợp đồng và lãi chậm trả từ chuyên nhượng văn phòng	-	8.421.724.439
Chênh lệch thừa kiểm kê hàng tồn kho	3.584.025.622	3.259.292.726
Điều chỉnh thu nhập theo kết quả biên bản KTNN năm 2020	-	11.628.842.103
Thu nhập khác	2.650.768.722	6.512.591.579
	<hr/> 7.863.762.867	<hr/> 29.822.450.847

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	277.572.521.482	262.821.617.034
Chi phí nhân viên	223.513.092.884	231.086.135.091
Chi phí khấu hao và phân bổ	47.327.950.941	50.886.477.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.419.287.178	150.077.869.770
Chi phí khác	194.094.516.209	190.309.072.086
	<hr/> 1.079.927.368.694	<hr/> 1.085.181.171.249

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	34.272.310.781	34.319.728.016
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(63.147.118)
	34.272.310.781	34.256.580.898
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(677.678.330)	(55.022.184)
	33.594.632.451	34.201.558.714

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	160.212.429.260	160.019.403.084
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	32.042.485.852	32.003.880.617
Thu nhập không bị tính thuế	(20.000.000)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.540.163.432	2.163.877.298
Biến động các chênh lệch tạm thời	31.983.167	96.947.917
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(63.147.118)
	33.594.632.451	34.201.558.714

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu****(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

	2022	2021 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	121.378.289.250	120.033.087.031
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(20.655.030.997)	(20.655.030.997)
	100.723.258.253	99.378.056.034
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (số cổ phiếu)	60.339.285	60.339.285
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.669	1.647

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 20.655 triệu VND, căn cứ trên kết quả kinh doanh và số đã trích cho năm 2021.

(ii) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Trong năm 2022, Tổng Công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021 với số tiền là 20.655.030.997 VND (số ước tính năm 2021 là 18.466.194.090 VND). Vì vậy, lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2021 (điều chỉnh lại)	2021 (theo báo cáo trước đây)
	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.647	1.683

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ <i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i> Lợi nhuận phân phối	82.171.177.400	6.320.859.800
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam <i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i> Bán hàng hóa	77.425.210.300	67.428.294.400
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i> Bán hàng hóa	61.863.173.300	55.068.146.544
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam</i> Bán hàng hóa	51.928.055.450	49.810.109.600
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i> Bán hàng hóa	44.610.380.240	40.571.012.160
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i> Bán hàng hóa	45.556.226.450	42.007.505.900
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn</i> Bán hàng hóa	28.920.718.320	27.771.603.519
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i> Bán hàng hóa	43.292.779.361	32.137.527.415
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Trị</i> Bán hàng hóa	45.408.042.900	41.121.246.100
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Bán hàng hóa	785.018.243.171	630.900.840.835
Hội đồng Quản trị Lương thưởng và thù lao <i>Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch</i>	227.910.205	203.280.963
<i>Ông Trần Vũ Nam – Ủy viên</i>	144.026.883	142.296.674
<i>Ông Nguyễn Hữu Quang – Tổng Giám đốc (từ 1/12/2021) Ủy viên (từ ngày 19/4/2021)</i>	1.065.540.126	738.956.987

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Ông Nguyễn Khắc Trí – Phó Tổng Giám đốc Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)	745.934.258	712.064.565
Ông Giang Trung Kiên – Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)	103.367.913	-
Ông Vũ Hồng Khánh – Tổng Giám đốc (đến 1/12/2021) Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)	40.658.971	597.422.361
Ông Phan Phương Anh – Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)	40.658.971	142.296.674
Ông Trịnh Quang Vinh – Ủy viên (đến ngày 19/4/2021)	-	52.605.403
Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác Lương thưởng và thù lao Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc	745.934.258	712.064.565
Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc	745.934.258	712.064.565
Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc	745.934.258	668.253.577
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng	644.267.013	362.894.797
Ban Kiểm soát Lương và thù lao Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban	745.934.258	712.064.565
Bà Lê Thị Hải – Thành viên	521.629.730	495.396.537
Ông Doãn Duy Đạo – Thành viên	26.067.552	-

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

31-03-2023

Người lập:



Phạm Văn Học
 Phó trưởng phòng KTTT

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
 Tổng Giám đốc